

TỔNG QUAN VỀ DI CƯ VÀ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Đồng Thanh Mai*, Tô Thế Nguyên, Trần Văn Đức

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

**Tác giả liên hệ: dongthanhmai@gmail.com*

Ngày nhận bài: 25.09.2019

Ngày chấp nhận đăng: 14.08.2020

TÓM TẮT

Di cư là vấn đề được nhiều tác giả đề cập đến. Tuy nhiên xem xét ảnh hưởng của di cư đến phát triển kinh tế chưa thực sự rõ nét ở cả Việt Nam và trên thế giới. Bài viết cơ bản hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về di cư và ảnh hưởng của nó đến phát triển kinh tế. Nội dung bao gồm: (i) Hệ thống hóa cơ sở lý luận về khái niệm, phân loại, nguyên nhân của di cư; ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của di cư đến phát triển kinh tế; (ii) Hệ thống hóa cơ sở thực tiễn ngoài và trong nước về ảnh hưởng của di cư đến phát triển kinh tế.

Từ khóa: Tổng quan, di cư, ảnh hưởng, phát triển, kinh tế.

Overview of Migration and Impact on Economic Development

ABSTRACT

Migration is a topic which many authors mention. However, considering the impact of migration on economic development is not clear in both Vietnam and over the world. This paper systematizes the theoretical and practical about migration and its effect on economic development. The contents include: (i) Systematizing theoretical basis of the definition, classification and causes of migration; Positive and negative effects of migration on economic development; (ii) Systematize the internal and external practical basis about the impact of migration on economic development.

Key words: overview, migration, impact, development, economics.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Di cư là hiện tượng xã hội gắn liền với lịch sử phát triển của xã hội loài người. Các công trình nghiên cứu về di cư có từ rất sớm và nhận được sự quan tâm của tất cả các quốc gia, tổ chức quốc tế như Liên Hiệp Quốc, tổ chức Lao động quốc tế ILO, tổ chức di cư quốc tế IMO (Trương Văn Tuấn, 2011). Di cư đóng vai trò quan trọng không chỉ ở khía cạnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế mà còn giúp tăng thu nhập, giảm tỷ lệ đói nghèo, giảm sự bất bình đẳng của các vùng miền trong một quốc gia bao gồm sự ảnh hưởng bởi số lượng người di cư, tần suất người di cư, phương thức di cư, mục đích di cư. Đây là cơ sở để các nhà hoạch định chính sách đưa ra chiến lược cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của quốc gia đó.

Vấn đề di cư đã được nghiên cứu nhiều trên thế giới ngay từ đầu thế kỷ XIX trên cơ sở hợp tác của nhiều ngành khoa học như nhân khẩu học, xã hội học, địa lý học, kinh tế học. Một số nghiên cứu tập trung vào di cư nội địa, di cư quốc tế, một số khác lại so sánh di cư ở các khía cạnh vi mô và vĩ mô. Một số nghiên cứu có những so sánh di cư với các biến số như bất bình đẳng trong thu nhập, trong các dịch vụ xã hội (Black & cs., 2006).

Ở Việt Nam, điều tra dân số và nhà ở năm 1989 cung cấp những thông tin đầu tiên về nghiên cứu di cư sau đổi mới, từ đó các công bố tiếp theo chứng minh di cư do địa lý, kết hôn, học tập và việc làm... là căn nguyên cơ bản dẫn tới quyết định di cư và khẳng định di cư trong nước mang lại nhiều cơ hội và thách thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam (Tổng cục Thống kê, 2004).

Trong một số tranh luận gần đây, các tác giả cho rằng di cư có ảnh hưởng hai chiều, một mặt mang lại sự hưng thịnh về thu nhập, tiêu dùng, sản xuất, đầu tư nhưng mặt khác cũng góp phần gia tăng thêm những rủi ro về tệ nạn xã hội, gia tăng chi phí quản lý và tạo ra cuộc khủng hoảng di cư toàn cầu (Black & cs., 2006; Christian & Ian, 2015; Nguyễn Nữ Đoàn Vy, 2018; Masud & Shaidul, 2018).

Để tìm hiểu ảnh hưởng của di cư đến phát triển kinh tế, việc làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn phù hợp nhằm cung cấp những căn cứ khoa học, thực tiễn và bài học kinh nghiệm trong việc phân tích thực trạng để đưa ra các giải pháp hợp lý là hết sức cần thiết.

2. TỔNG QUAN VỀ DI CƯ

2.1. Cơ sở lý luận về di cư và ảnh hưởng của nó đến phát triển kinh tế

2.1.1. Khái niệm liên quan

a. Di cư

Về mặt lý thuyết, di cư được định nghĩa đơn giản là sự chuyển chỗ ở từ nơi này sang nơi khác. Tuy nhiên về bản chất, nguyên nhân và động cơ của di cư tương đối phức tạp và chưa có sự thống nhất giữa các nhà nghiên cứu, chưa có định nghĩa chuẩn và bao quát nhất.

Theo các nhà địa lý học (Trương Văn Tuấn, 2011), di cư là sự di chuyển từ đơn vị lãnh thổ này tới đơn vị lãnh thổ khác. Di cư là hình thức di chuyển về địa lý hay không gian kèm theo sự thay đổi nơi ở thường xuyên giữa các đơn vị hành chính. Theo các tác giả, sự thay đổi nơi ở tạm thời như thăm viếng, du lịch, buôn bán, kể cả qua lại biên giới không là di cư. Như vậy, theo định nghĩa này, không phải mọi sự di chuyển của con người đều là di cư mà di cư còn phải gắn liền với sự thay đổi các quan hệ xã hội của người di chuyển.

Trong lý thuyết phát triển kinh tế, di cư được định nghĩa là quá trình tái cân bằng các nguồn lực kinh tế để thiết lập một giai đoạn phát triển kinh tế mới. Di cư được coi như là một chiến lược đa dạng hóa sinh kế và giảm rủi ro trong cuộc sống và gia tăng cho thu nhập gia đình

(Wouterse & Taylor, 2007; Cohen, 2006). Tuy nhiên định nghĩa này chỉ phù hợp với các di cư cố định mà không đề cập đến những di cư khác như di cư theo mùa, di cư tạm thời trong cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở (Zhang & cs., 2006).

Ở nước ta hiện nay, định nghĩa về di cư được thống nhất trong báo cáo Tổng điều tra dân số và nhà ở. Một người được coi là người di cư nếu nơi thực tế thường trú hiện nay và nơi thực tế thường trú 5 năm trước thời điểm điều tra là không cùng một xã (Tổng cục Thống kê, 2019). Với định nghĩa này, phạm vi của di cư được chỉ rõ cả về mặt thời gian và không gian.

Mặc dù các học giả ở các ngành khoa học khác nhau đã quan tâm đến những khía cạnh khác nhau của di cư, nghiên cứu này sẽ tập trung xem xét di cư theo góc nhìn của các nhà kinh tế xã hội. Các nghiên cứu chỉ ra mối liên hệ giữa di cư với cung - cầu trên thị trường lao động, lực kéo, lực đẩy và các yếu tố liên quan (Zhang & cs., 2006).

b. Phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế khởi nguồn từ thời kỳ tái thiết sau chiến tranh thế giới thứ nhất do Hoa Kỳ khởi xướng (Jaffee & David, 1998). Tuy nhiên định nghĩa chính xác về phát triển kinh tế cũng gây ra nhiều tranh cãi. Ở đầu thế kỷ XX, các nhà kinh tế học xem xét phát triển chủ yếu về mặt tăng trưởng kinh tế, còn các nhà xã hội học lại nhấn mạnh đến tính toàn diện của quá trình thay đổi. Một số học giả phân biệt phát triển kinh tế với tăng trưởng kinh tế trên cơ sở định nghĩa phát triển kinh tế là “sự gia tăng rộng rãi và bền vững trong mức sống chung của các cá nhân trong cộng đồng” và khẳng định một số thước đo của phát triển kinh tế không phản ánh đầy đủ chất lượng cuộc sống. Một số học giả lại định nghĩa phát triển kinh tế gắn với phát triển kinh tế với sức khỏe và giáo dục của người dân (Schumpeter & cs., 2003).

Mặc dù có nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhưng có thể hiểu phát triển kinh tế là quá trình lớn lên, tăng tiến mọi mặt của nền kinh tế. Nó bao gồm sự tăng trưởng kinh tế và đồng thời có sự hoàn chỉnh về mặt cơ cấu, thể chế kinh tế, đời sống xã hội bao gồm cả mặt số lượng và chất

lượng. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế không thể không kể đến yếu tố con người và sự di chuyển của họ vừa là động lực vừa là kết quả của sự phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia (IOM, 2005).

2.1.2. Nguyên nhân của di cư

Di cư diễn ra từ rất lâu, từ thời xã hội tiền sử. Cho đến nay, di cư xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

- Do yếu tố kinh tế: Yếu tố kinh tế đầu tiên dẫn tới di cư được xác định là do sự khác biệt về thu nhập. Thông thường luồng di cư có xu hướng từ nơi có thu nhập thấp đến nơi có thu nhập cao như từ nông thôn ra thành thị, hoặc từ nước kém/đang phát triển đến các nước phát triển. Xu hướng di cư này cũng xuất phát từ nguyên nhân thứ hai là di cư do việc làm, ở nơi có nhiều việc làm hơn sẽ thu hút nhiều người đến nhập cư ở các khu vực ít việc làm (Altonji & Card, 1991). Gần đây, sự phân công lao động quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế cũng làm cho di cư do yếu tố việc làm càng phổ biến. Sự tương tác giữa di cư với các yếu tố kinh tế thể hiện mối quan hệ hai chiều ở cả hai tính chất kéo và đẩy (Everret, 1966).

- Do yếu tố phi kinh tế: Các nhà nghiên cứu cũng khẳng định (Everret, 1966; Altonji & Card, 1991), việc di cư do yếu tố kinh tế chỉ phôi phẫn lớn nguyên nhân của di cư, tuy nhiên nhiều cách tiếp cận khác cũng khẳng định, các biến số phi kinh tế phần nào ảnh hưởng tới quyết định di cư.

+ Xung đột và chiến tranh: Đây được coi là nguyên nhân khởi nguồn cho nhiều cuộc di cư quy mô lớn trên toàn thế giới. Nó xuất hiện từ thời tiền sử và đến nay xu hướng này vẫn chưa chấm dứt. Chiến tranh và xung đột làm cho tình hình kinh tế - xã hội của vùng xuất cư không ổn định, nhiều rủi ro khiến con người phải tìm đến những nơi an toàn, ổn định hơn để sinh sống và phát triển (IOM, 2005; Nghiêm Tuấn Hùng, 2012).

+ Các yếu tố về mặt xã hội: Khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục và dịch vụ xã hội thiết yếu tốt hơn. Người di cư không chỉ quan tâm đến vấn đề thu nhập và việc làm cho cá nhân họ, mà cả nhu cầu về chăm sóc sức khỏe,

học tập cho con cái và các thành viên trong gia đình, các dịch vụ xã hội thiết yếu, trong đó có vấn đề cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, cấp điện sinh hoạt, giao thông công cộng (Trương Văn Tuấn, 2011; Nguyễn Nữ Đoàn Vy, 2018). Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục... còn phụ thuộc vào khả năng chi trả của người sử dụng

+ Các yếu tố về môi trường: Biến đổi khí hậu, thiên tai, ô nhiễm môi trường là các vấn nạn mà nhiều vùng lãnh thổ và nhiều quốc gia đang phải đối mặt, vấn nạn này gây ra nhiều tổn thất về kinh tế và con người. Trong đó, với bản năng sinh tồn, con người sẽ di chuyển ở nơi chịu hậu quả nặng nề của biến đổi khí hậu đến những nơi ít bị ảnh hưởng hơn để đảm bảo cuộc sống (Nghiêm Tuấn Hùng, 2012).

+ Do các yếu tố khác: Ngoài các nguyên nhân chủ yếu trên, di cư còn xuất phát từ các yếu tố khác như do kết hôn, học tập, tôn giáo, định kiến xã hội, ảnh hưởng của CNH-HDH... Mặc dù có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến di cư nhưng mục đích cuối cùng của di cư là con người mong muốn tìm đến nơi tốt đẹp hơn, phù hợp hơn để tồn tại và phát triển.

2.1.3. Phân loại di cư

Có nhiều cách phân loại di cư tùy vào cách tiếp cận của các tác giả và tùy vào từng mục đích nghiên cứu.

- Căn cứ vào địa bàn di cư: Di cư được phân loại thành di cư quốc tế và di cư nội địa. Di cư quốc tế là sự dịch chuyển ra khỏi biên giới một quốc gia, di cư từ nước này sang nước khác. Di cư nội địa đề cập đến di cư diễn ra trong phạm vi giữa các vùng, miền của một quốc gia.

- Căn cứ cách thức tổ chức di cư: Di cư được phân loại thành di cư có sự quản lý, di cư tự phát và di cư bắt buộc. Trong đó di cư được quản lý là sự dịch chuyển có vai trò quản lý nhà nước của chính phủ, đối lập với nó là di cư tự phát, một loại hình di cư tự do không theo một chương trình hay quy định nào của chính phủ. Di cư bắt buộc thường xảy ra trong hoàn cảnh bắt buộc như thiên tai, dịch bệnh hoặc các lý do an ninh quốc phòng.

- Căn cứ vào điểm đến của quá trình di cư: Di cư được phân chia thành di cư từ nông thôn ra thành thị, di cư từ thành thị về nông thôn, di cư từ nông thôn đến nông thôn và di cư từ thành thị đến thành thị. Trong đó luồng di cư từ nông thôn ra thành thị đang rất phổ biến hiện nay.

- Căn cứ vào khoảng thời gian cư trú của nơi đến: Di cư được phân loại thành di cư tạm thời và di cư lâu dài. Di cư lâu dài nghĩa là người di cư dịch chuyển hẳn chỗ ở và chắc chắn định cư ở nơi đến trong khoảng thời gian dài. Còn di cư tạm thời, trong đó phổ biến là di cư theo mùa vụ thì người di cư chỉ cư trú ở nơi đến một thời gian ngắn, sau đó lại dịch chuyển đi chỗ khác hoặc hồi hương.

- Căn cứ vào mục đích của người di cư: Tùy vào mục đích người di cư, có một số loại hình di cư phổ biến như di cư do kết hôn, di cư do việc làm, di cư do học tập... đều được các tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu.

2.1.4. Tác động của di cư đến phát triển kinh tế

- Tác động tích cực: Nghiên cứu về di cư và mối quan hệ với tăng trưởng và phát triển kinh tế có ở rất nhiều tài liệu. Các công trình đều đề cập tín hiệu lạc quan về mối quan hệ này trong cả các phân tích định lượng và định tính với biến đo lường như tổng sản phẩm quốc nội, năng suất lao động, tiền lương.

+ Tăng trưởng kinh tế: Các nghiên cứu mới đây cho thấy, di cư đóng góp cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế về mặt tổng thể. Do có những cải thiện sự phân chia lao động và định hướng cho sự tập trung hóa lao động có trình độ, tài năng và có tay nghề, di cư tạo ra sự hội tụ về kinh tế và gia tăng tổng giá trị sản phẩm quốc nội (GDP) thông qua tăng tổng tiêu dùng (C) tại những nơi nhập cư. Cùng với đó, xét về tổng sản phẩm quốc dân (GNP) ở nơi xuất cư cũng có phần gia tăng do tác động lan tỏa của lượng tiền gửi, công nghệ và kiến thức người di cư chuyển về nơi ở ban đầu thông qua các hoạt động thu nhập, chi tiêu và tái đầu tư (Olusegun, 2017).

+ Cải thiện thu nhập bình quân, giảm tỷ lệ thất nghiệp: Ở một góc độ tiếp cận khác, mối quan hệ giữa di cư và phát triển kinh tế còn thể

hiện di cư giúp tăng thu nhập bình quân và giảm tỷ lệ thất nghiệp. Có mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa di cư với chỉ số thu nhập bình quân đầu người và tỷ lệ nghịch với tỷ lệ thất nghiệp, trong đó biến số về trình độ học vấn có ý nghĩa quyết định (Nguyễn Việt Cường & cs., 2011; Nguyễn Nữ Đoàn Vy, 2018). Ở các nước nhập cư, người di cư là những lao động có trình độ và kỹ năng tốt, gặp môi trường làm việc thuận lợi đã tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế mặc dù họ luôn gặp phải những khó khăn như về ngôn ngữ và giao tiếp. Ở các nước xuất cư, lượng kiều hối mà các lao động này gửi về quê hương là công cụ để giảm tỷ lệ đói nghèo, giảm bất bình đẳng, tạo ra công ăn việc làm mới cho chính bản thân người xuất cư sau khi trở về và gia đình của họ.

+ Tăng năng suất lao động: Các nghiên cứu từ những năm 80 của thế kỷ XIX, đều khẳng định di cư làm tăng năng suất lao động ở các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà họ đến. Loại trừ yếu tố di cư tự do và không ổn định, đa phần người di cư thường có xu hướng ở lại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó lâu dài, họ chính là đối tượng tận dụng được lợi thế so sánh của quốc gia đó, tiếp thu những kết quả của khoa học, công nghệ, kỹ thuật, giúp gia tăng năng suất lao động. Một mặt lao động di cư tạo nên sự cạnh tranh về việc làm với người bản xứ. Để tìm được công việc tốt, cả hai đối tượng cần tăng kỹ năng, thái độ làm việc và cùng thúc đẩy gia tăng thặng dư lao động. Ở các nước nhập cư với số lượng người nhập cư lớn, giúp tăng cầu lao động, từ đó giúp tăng năng suất lao động theo quy mô. Khi các doanh nghiệp hoặc đơn vị sử dụng lao động có hiệu suất làm việc cao, chi phí sản xuất giảm dẫn tới lợi nhuận tăng (Christian & Ian, 2015).

Mặt khác, một số lao động di cư sau khi trở về quê hương, mang những kiến thức, kỹ năng và trí tuệ của mình để áp dụng hoặc cải tiến những sản phẩm-dịch vụ mới trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Từ đó giúp tăng năng suất lao động.

- Tác động tiêu cực: Bên cạnh những tín hiệu lạc quan mà di cư mang lại, nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng, nguy cơ từ di cư tạo ra không ít khó khăn cho nền kinh tế.

+ Cạnh tranh việc làm ở nơi nhập cư và thiếu lao động có trình độ ở nơi xuất cư: Ở cùng một quốc gia, di cư tự do, di cư mùa vụ không có tổ chức từ nông thôn ra đô thị diễn ra rất phổ biến và đã làm cho vùng nông thôn thiếu nguồn lao động trong sản xuất nông nghiệp (Christian & Ian, 2015). Ngược lại đối với vùng đô thị tình trạng thất nghiệp tăng, đặc biệt là các nước đang phát triển gây khó khăn cho công tác quản lý và các vấn đề xã hội khác như: nhà ở, an ninh, giáo dục, y tế,... không đáp ứng kịp, tệ nạn xã hội không ngừng tăng lên, môi trường ô nhiễm, chất lượng cuộc sống của dân cư không được đảm bảo (Alan, 2010),

+ Gia tăng chi phí xã hội ở nơi nhập cư: Hơn nữa, các nghiên cứu cũng khẳng định di cư có thể làm tăng gánh nặng kinh tế xã hội cho nơi đến, nhất là các vùng đô thị: tăng sức ép về cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng, giáo dục và y tế, về môi trường. Di cư góp phần làm tăng thêm mức chênh lệch về kinh tế xã hội giữa các khu vực, giữa nơi xuất cư và nơi nhập cư, đặc biệt là giữa thành thị và nông thôn (Đình Quang Hà, 2010; Nguyễn Nữ Đoàn Vy, 2018).

+ Khủng hoảng kinh tế: Nhiều hình thức di cư không hợp lý đã làm biến đổi cơ cấu dân số theo chiều hướng bất hợp lý. Ở tầm quốc tế, có thể đe dọa an ninh, chính trị của các quốc gia do di cư bất hợp pháp, tị nạn chính trị, nạn buôn bán người... (Hoàng Long, 2018). Trên thế giới hiện nay, di cư không còn mang lại tích cực mà trở thành gánh nặng cho nhiều quốc gia với nhiều mâu thuẫn tồn tại như nạn nhập cư trái phép, chính trị hóa, phân cực hóa. Một số tác giả đề nghị các chính sách chống người di cư mà chính phủ các quốc gia phát triển đang áp dụng để giảm thiểu tác động tiêu cực mà nhập cư trái phép mang lại.

2.2. Cơ sở thực tiễn về di cư và ảnh hưởng của nó đến phát triển kinh tế

2.2.1. Tình hình di cư trên thế giới và ảnh hưởng của nó đến phát triển kinh tế

Di cư xuất hiện từ rất sớm trên thế giới từ khi người đứng thẳng di cư ra khỏi châu Phi đến

châu Á và châu Âu khoảng 1,75 triệu năm trước (Fischer, Steven Roger, 2004). Tiếp theo đó là các làn sóng di cư đến châu Úc, châu Mỹ liên tiếp diễn ra và con người cơ bản đã bao phủ trên trái đất. Nguyên nhân đầu tiên bắt nguồn từ sự phát triển ngôn ngữ và ảnh hưởng bởi khí hậu, thời tiết. Khi chiến tranh xảy ra, làn sóng di cư tiếp tục xuất hiện, xu hướng di cư chuyển từ những nơi có chiến tranh sang những nơi không có chiến tranh.

Hiện tại, có 3,3% dân số thế giới, tương đương 244 triệu người là người di cư (Hoàng Long, 2018). Mỹ là nước có lượng người nhập cư lớn nhất thế giới với 48 triệu người, tương đương 20% tổng dân số nhập cư toàn cầu. Tuy nhiên, châu Âu mới là khu vực thu hút lượng người nhập cư lớn nhất, với con số tính đến nay là 72 triệu người. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng di cư quốc tế gia tăng đó là chiến tranh, xung đột, an ninh, kinh tế và xã hội chậm phát triển. Tuy nhiên, tình trạng di cư quốc tế gây ra nhiều vấn đề cho những nước nhập cư. Sự phân biệt đối xử, sự chênh lệch về trình độ dân trí, sự khác biệt về văn hóa, xã hội cũng là những mầm mống gây xung đột xã hội.

Kinh nghiệm một số quốc gia về giải quyết vấn đề tác động của di cư trên thế giới

Thụy Điển được coi là quốc gia có chính sách nhập cư thoáng nhất châu Âu và hiệu ứng từ làn sóng nhập cư tác động cao nhất tới tăng trưởng kinh tế ở quốc gia này so với các nước khác trong khối OECD trong giai đoạn 1986-2006. Năng suất lao động, thương mại quốc tế, cải tiến kỹ thuật... của Thụy Điển được cải thiện một phần nhờ vào lượng lao động nhập cư có trình độ cao đến sinh sống tại nước này. Tuy nhiên lao động nhập cư trái phép hoặc lượng nhập cư trình độ thấp cũng tạo ra gánh nặng cho Thụy Điển thâm hụt ngân sách và quá tải cơ sở hạ tầng cho vùng nhập cư. Chính phủ Thụy Điển cho phép người nhập cư đến sinh sống nhưng không cho phép họ sống tập trung một vùng mà sẽ phân bổ đều khắp cả nước, đồng thời Thụy Điển cũng khuyến khích thu hút các chuyên gia cao cấp đến làm việc bằng việc giảm thuế cho họ. (Olof & Claudio, 2018).

Di cư quốc tế có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế xã hội ở Bangladesh. Sử dụng dữ liệu thứ cấp, các tác giả đã tìm hiểu tác động của kiều hối đến sự phát triển kinh tế xã hội ở Bangladesh. Kiều hối có tác động đáng kể đến nền kinh tế và xã hội Bangladesh, ví dụ, giảm 6% tỷ lệ đói nghèo, tăng chỉ tiêu hộ gia đình, số tiền tiết kiệm từ kiều hối là 31,1%, dẫn đến duy trì chất lượng cuộc sống cũng như bình đẳng giới. Do đó, chính phủ cần thực hiện các bước cần thiết để gìn giữ di cư quốc tế như là một chiến lược quốc gia để phát triển kinh tế của Bangladesh (Masud & Shaidul, 2018).

2.2.2. Tình hình di cư ở Việt Nam và ảnh hưởng của nó đến phát triển kinh tế

Di cư ở Việt Nam cũng diễn ra từ nhiều năm trước do tác động của chiến tranh, kinh tế và chính trị. Suốt thời phong kiến, luồng di cư chủ đạo của người Việt Nam là từ bắc xuống nam. Theo sau các đợt xâm chiếm và mở rộng lãnh thổ qua các triều đại là những đợt di dân lớn. Ở thời kỳ Pháp thuộc, chính sách di dân của chính quyền Pháp đề ra là việc tuyển mộ dân ở Bắc và Trung Kỳ đưa vào Nam làm phu đồn điền cao su hoặc nông trại miền núi Cao nguyên Trung Kỳ hay thượng du Bắc Kỳ, tạo nên một làn sóng di cư không nhỏ (Peter, 1976).

Sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, trong khoảng thời gian 1975-1995 đã có 849.228 người Việt Nam vượt biên bằng đường biển và đường bộ để đến vùng đất mới tốt đẹp hơn. Một số khác được gửi sang các nước Đông Âu và Liên Xô cũ. Hàng năm, có khoảng 80.000 lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Lao động Việt Nam làm việc tại trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ. Số lượng cô dâu Việt Nam kết hôn với người nước ngoài tăng mạnh trong những năm gần đây, số cô dâu Việt Nam kết hôn với người nước ngoài lên tới gần 100.000 người. Bên cạnh đó, hàng trăm nghìn du học sinh Việt Nam ra nước ngoài học tập (Tổng cục Thống kê, 2015). Tổng lượng kiều hối mà các đối tượng này gửi về Việt Nam khoảng 15 tỷ USD chiếm 7% GDP (WB, 2018) là nguồn cung tiền lớn giúp Việt Nam kiềm chế lạm phát, đồng thời tăng nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực tư nhân,

góp phần tăng trưởng và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, một số lượng không nhỏ người Việt Nam sau khi ra nước ngoài vì bất cứ lý do nào đã ở lại các quốc gia đó sinh sống và làm việc, gây thiệt hại lớn về nhân lực chất lượng cao cho Việt Nam (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2011).

Ngày nay, ảnh hưởng của đô thị hóa tạo ra luồng di cư nội địa từ nông thôn ra thành thị và các khu công nghiệp. Giống như các quy luật di cư khác, bên cạnh những ưu điểm từ sự dịch chuyển dân cư đến nền kinh tế như tăng thu nhập bình quân, cải thiện mức sống của người dân thì hệ lụy từ di cư như thiếu lao động nông thôn, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp thấp, gia tăng khoảng cách giàu nghèo, khó tiếp cận với dịch vụ y tế giáo dục đối với người nhập cư... là những thách thức mà các nhà hoạch định chính sách quan tâm.

Nghiên cứu về tác động của di cư tới phát triển kinh tế tại ở một số địa phương của Việt Nam:

Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Nữ Đoàn Vy (2018) “*Tác động của người nhập cư đến phát triển kinh tế - xã hội của TP. Đà Nẵng*” được đánh giá trên hai mặt: tích cực và tiêu cực. Về phương diện tích cực, lao động nhập cư góp phần trẻ hóa lực lượng lao động với 45% lao động tại các KCN là người nhập cư, phần lớn có độ tuổi từ 19-49 tuổi; lao động nhập cư cũng tạo ra khoảng 30% GRDP, chỉ tiêu khoảng hơn 7.000 tỷ đồng/năm và đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế của thành phố, đa dạng hóa các hoạt động kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động... Về phương diện tiêu cực, thành phố phải chịu sức ép về dân số, việc làm với 70% lao động nhập cư không qua đào tạo, sức ép trong việc cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản và các vấn đề môi trường phát sinh... Nghiên cứu cũng đưa ra khuyến nghị cần có chiến lược quy hoạch đô thị và mở rộng thành phố, tăng cường quản lý nhà nước đối với khu vực kinh tế không chính thức và việc làm không chính thức, cần có chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao, hoàn thiện chính sách xã hội với người nhập cư, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước với người nhập cư. Tuy nhiên nghiên cứu chưa phân loại và so sánh được ảnh hưởng của nhóm người nước

ngoài và người trong nước trong tác động đến phát triển kinh tế.

Nghiên cứu của tác giả Trương Văn Tuấn (2011) “*Di cư và ảnh hưởng của nó đến phát triển kinh tế vùng Đông Nam Bộ*”. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng cùng với sự phát triển kinh tế, cường độ di cư ngày càng tăng, Đông Nam Bộ là vùng có tỷ lệ di cư cao nhất cả nước (mỗi năm có trên 1 triệu lao động di cư) với tỷ lệ nữ từ nông thôn ra thành thị nhiều hơn nam giới. Lao động nhập cư chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp (chiếm 53%) góp phần quan trọng vào gia tăng tốc độ phát triển kinh tế của vùng trong những năm qua. Nghiên cứu cũng chỉ ra những hệ lụy của di cư ồ ạt vào các tỉnh có nhiều khu công nghiệp như tạo sức ép việc làm cho khoảng 2.000 lao động nhập cư thất nghiệp, một bác sĩ phục vụ cho 7.000 dân. Nghiên cứu đã đưa ra khuyến nghị là cần có chính sách quy hoạch đầu tư phù hợp để điều chỉnh các luồng di cư cả về quy mô và chất lượng.

3. KẾT LUẬN

Di cư đơn thuần là sự di chuyển nơi cư ngụ từ nơi này sang nơi khác. Tuy nhiên, định nghĩa đầy đủ về di cư vẫn đang là vấn đề tranh cãi và chưa có kết luận chính xác giữa các học giả. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn tới di cư như yếu tố đẩy, yếu tố hút, yếu tố kinh tế và yếu tố phi kinh tế... Phân loại di cư dựa trên năm tiêu chí như: địa bàn di cư, mục đích di cư, thời gian di cư, điểm đến, cách thức tổ chức di cư. Đánh giá những tác động của người di cư đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế ở trên cả hai mặt: tích cực và tiêu cực. Về phương diện tích cực, người di cư đã bổ sung và góp phần trẻ hóa lực lượng lao động, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của địa phương và quốc gia đó, góp phần đa dạng hóa các hoạt động kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa đô thị; về phương diện tiêu cực, địa phương và quốc gia cũng đã phải chịu sức ép về dân số, lao động, việc làm; sức ép trong việc cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản, đối mặt với nhiều vấn đề xã hội, môi trường phát sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alan De Brauw (2010). Seasonal Migration and Agricultural Production in Vietnam. *The Journal of Development Studies*. 46(1): 114-139.
- Altonji J.G. & Card D. (1991). The effects of immigration on the labor market outcomes of less-skilled natives. In: J. M. Abowd & R. B. Freeman (Eds), *Immigration, trade and labor*. Chicago: University of Chicago Press.
- Black R., Natali C. & Skinner J. (2006). Migration and inequality. *Equity & development*. World Development Report.
- Christian Dustmann & Ian Preston (2015). Is immigration good or bad for the economy? Analysis of attitudinal responses. *The Economics of Immigration and Social Diversity*. pp. 3-34.
- Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao (2011). Báo cáo tổng quan về tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài.
- Đinh Quang Hà (2010). Di dân nông thôn và vai trò của nó đến phát triển kinh tế hộ gia đình ở nông thôn. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*. 2.
- Everet S. Lee (1996). A theory of Migration. *Demography*. Population Association of America, USA. 3(1): 47-57.
- Fischer Steven Roger (2004). A history of language. *Globalities Series*. Reaktion Books. ISBN 186189080X.
- Hoàng Long (2018). Liên hợp quốc nỗ lực giải quyết vấn đề người di cư trên toàn cầu. *Tạp chí Cộng sản* điện tử. Truy cập từ <http://www.tapchicongsan.org.vn/nguyen-cu/-/2018/53516/lien-hop-quoc-no-luc-giai-quyet-van-de-nguoi-di-cu-tren-toan-cau.aspx>, ngày 19.9.2019.
- IOM (2005). Di cư quốc tế và Phát triển: Nhìn nhận từ góc độ Toàn cầu, Nghiên cứu về di cư của IOM. 19: 5.
- Jaffee David (1998). *Levels of Socio-economic Development Theory*. Westport and London: Praeger. p. 3.
- Lê Quốc Hội & Nguyễn Thị Thu Hoài (2019). Impacts of migration on poverty reduction in Vietnam: A household level study. *Business and Economic Horizons*. 15(2): 261-275.
- Md. Masud Sarker & Md. Shaidul Islam (2018). Impacts of international Migration on socioeconomic development in Bangladesh. *European Review of Applied Sociology*. 11(16).
- Nghiêm Tuấn Hùng (2012). Những nguyên nhân cơ bản và điều kiện chủ yếu thúc đẩy di cư quốc tế. *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội*. 28: 148-157.
- Nguyễn Nữ Đoàn Vy (2018). Tác động của người nhập cư đến phát triển kinh tế - xã hội của TP. Đà Nẵng.

- Luận văn tiến sĩ, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Nguyen Viet Cuong, Marrit Van den Berg & Robert Lensink (2011). The impact of work and non-work migration on household welfare, poverty and inequality: New evidence from Vietnam. *Economics of Transition*. 19(4): 771-799
- Olof Ejermo & Claudio Fassio (2018). The effects of immigration on economic growth - a literature study. Growth Analysis' project. Lund University, Sweden.
- Olusegun Ayodele Akanbi (2017). Impact of migration on economic growth and human development: case of sub-Saharan African countries. *International Journal of Social Economics*. 44(5).
- Peter Hansen (1996). Bắc di cư: Dân Công giáo tị nạn từ miền Bắc Việt Nam và vai trò của họ tại Cộng hòa Miền Nam (Sách dịch). tr. 1954-1959.
- Schumpeter Joseph & Backhaus Ursula (2003). The Theory of Economic Development. In Joseph Alois Schumpeter. pp. 61-11.
- Tổng cục thống kê (2004). Báo cáo về điều tra di cư ở Việt Nam. Nhà xuất bản Thống kê.
- Tổng cục thống kê (2015). Báo cáo về tổng điều tra dân số và nhà ở 2014. Nhà xuất bản Thống kê.
- Trương Văn Tuấn (2011). Di cư và ảnh hưởng của nó đến phát triển kinh tế - xã hội ở vùng Đông Nam Bộ. Luận văn Tiến sĩ, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
- UNDP (2009). Báo cáo phát triển Nhân lực năm 2009 - Vượt qua các rào cản: Di chuyển của con người và sự phát triển.
- Wouterse Fleur & Taylor J. Edward (2007). Migration and Income Diversification: Evidence from Burkina Faso. *World Development*. 36(4): 625-40.
- Zhang Heather Xiaoquan, Mick Kelly P., Alexandra Winkels, Neil Adger W. & Catherine Honor Locke (2006). Migration in a Transitional Economy: Beyond the Planned and Spontaneous Dichotomy in Vietnam. *Geoforum*. pp. 1066-1081.